

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Vũ Châu Giang

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Email: giangncv@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/5/2021

Ngày PB đánh giá: 31/8/2021

Ngày duyệt đăng: 10/9/2021

TÓM TẮT: Phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược của các quốc gia trên thế giới hiện nay, trong đó có Việt Nam. Phát triển bền vững ở Việt Nam được tập trung vào ba trụ cột: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã giành được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế phát triển vượt bậc, chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong giai đoạn vừa qua là những thách thức không nhỏ. Mục tiêu bài viết chỉ ra thực trạng phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo phát triển bền vững kinh tế của quốc gia trong tương lai.

Từ khóa: thách thức, thực trạng, phát triển bền vững.

THE SITUATION AND ISSUES ABOUT ECONOMIC SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM TODAY

ABSTRACT: Sustainable development is a strategic goal of all countries in the world today, including Vietnam. Sustainable development in Vietnam is focused on three pillars: economic, political, socio-cultural. After more than 30 years of renovation, Vietnam has won great achievements in all fields: outstanding economic development, political stability, people's material and spiritual life have been continuously improved. In addition to the achievements, there are still many challenges. The objective of the article is to show the current situation of sustainable development of Vietnam at the present period, thereby proposing solutions to ensure the country's sustainable economic development in the future.

Keywords: challenges, reality, sustainable development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm hoàn thành mục tiêu thiên niên kỷ phát triển bền vững, trong những năm vừa qua, Việt Nam đã từng bước tăng trưởng kinh tế bền vững như thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển bền vững

các vùng và địa phương. Cụ thể là: Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD. Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP trên 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 – 34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước không quá 4% GDP.

Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 25 – 30%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng 4 – 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm từ 1 – 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt từ 38 – 40%. Tuy nhiên, sau một thời kỳ phát triển nhanh, theo chiều rộng, đất nước đang đối mặt với những thách thức không nhỏ, cần được nhìn lại, tiếp cận theo chiều sâu để xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, hiệu quả hơn và đạt mục tiêu bền vững.

2. KHÁI QUÁT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. Khái niệm phát triển bền vững

Phát triển bền vững là chủ đề được đề cập đến vào những thập niên 80 của thế kỷ XX. Trước những vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu về thiên nhiên, năm 1980, trong bản “Chiến lược bảo tồn thế giới” do Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên (IUCN-International Union for Conservation of Nature and Natural Resources) đã đưa ra mục tiêu của phát triển bền vững là “đạt được sự phát triển bền vững bằng cách bảo vệ các tài nguyên sinh vật”. Trong đó thuật ngữ “phát triển bền vững” được đề cập nhằm kêu gọi việc bảo tồn các tài nguyên sinh vật, có nội dung hẹp, nhấn mạnh tính bền vững của sự phát triển về mặt sinh thái. [6]

Trong Báo cáo của Liên hợp quốc (1987), “Tương lai chung của chúng ta”, Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED-World Commission on Environment and Development), “phát triển bền vững” được định nghĩa là “Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Theo định nghĩa này, vấn đề phát triển bền vững cũng chủ yếu nhấn mạnh khía cạnh sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên

thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người trong quá trình phát triển.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển, tổ chức năm 1992 ở Rio de Janeiro (Brazil) nội hàm khái niệm “phát triển bền vững” được tái khẳng định và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002: “Phát triển bền vững” là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Hội nghị thượng đỉnh Liên hợp quốc lần thứ 21 tại New York năm 2015 đưa ra định nghĩa: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng phát triển của các thế hệ tương lai” và được cụ thể hóa thành 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể. [6]

Như vậy, có thể hiểu phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của thế hệ tương lai, vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.

Cho tới nay, quan niệm về phát triển bền vững đã được thống nhất chung trên toàn thế giới và trở thành mục tiêu thiên niên kỷ.

Từ những quan niệm về phát triển bền

vững, có thể hiểu phát triển bền vững kinh tế là sự tăng nhanh, an toàn và có chất lượng về mọi mặt của nền kinh tế (như quy mô, sản lượng, cơ cấu kinh tế,... đều tiên bộ), mang lại lợi ích và sự thịnh vượng cho tất cả mọi người, đồng thời đảm bảo môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.

2.2. Tiêu chí của phát triển bền vững kinh tế

Nền kinh tế được coi là bền vững cần đạt được yêu cầu sau: (1) Có tăng trưởng GDP và GDP đầu người đạt mức cao. Các nước đang phát triển trong điều kiện hiện nay cần tăng trưởng GDP vào khoảng 5%/năm thì mới có thể xem có biểu hiện phát triển bền vững về kinh tế. Nước phát triển có thu nhập cao vẫn phải giữ nhịp độ tăng trưởng. (2) Cơ cấu GDP: Chỉ khi tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP cao hơn nông nghiệp. (3) Tăng trưởng kinh tế phải là tăng trưởng có hiệu quả cao, không chấp nhận tăng trưởng bằng mọi giá. [7]

Một số nội dung cơ bản phát triển bền vững về kinh tế: i) giảm dần mức tiêu phí năng lượng và các tài nguyên khác thông qua công nghệ tiết kiệm và thay đổi lối sống; ii) thay đổi nhu cầu tiêu thụ không gây hại đến đa dạng sinh học và môi trường; iii) bình đẳng trong tiếp cận các nguồn tài nguyên, mức sống, dịch vụ y tế và giáo dục; iv) xóa đói, giảm nghèo tuyệt đối; v) công nghệ sạch và sinh thái hóa công nghiệp (tái chế, tái sử dụng, giảm thải, tái tạo năng lượng đã sử dụng). Những nội dung này có quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với nhau nhằm tạo ra sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, không chỉ tập trung mang lại lợi nhuận cho một số ít, trong một giới hạn cho phép của hệ sinh thái cũng như không xâm phạm những quyền cơ bản của con người. [8]

Từ những yêu cầu, nội dung trên, xác định tiêu chí để đánh giá phát triển bền

vững về kinh tế gồm: (i) Mức độ đạt được hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao và ổn định; (ii) Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP thấp; (iii) Năng suất lao động xã hội cao, dựa trên nguồn lực lao động có thể lực và năng lực làm việc tốt; (iv) Chỉ số giá tiêu dùng trong tiêu chuẩn cho phép luôn ổn định; (v) Cán cân vãng lai thặng dư ổn định.

3. Thực trạng phát triển bền vững ở Việt Nam

3.1. Kết quả đạt được

Việt Nam là một trong những quốc gia có nhiều nỗ lực và đã đạt được nhiều thành quả trên hành trình phát triển bền vững. Thực hiện Quyết định Số: 432/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 4 năm 2012, của Thủ tướng Chính Phủ “Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020”, đã ban hành chương trình quốc gia về phát triển bền vững, thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Một số kết quả đạt được sau:

Năm 2018, Việt Nam xếp thứ 69/190 về môi trường kinh doanh (đánh giá của Ngân hàng Thế giới WB); xếp thứ 77/140 về năng lực cạnh tranh (đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới WEF), xếp thứ 54/162 quốc gia lọt vào Top 30% quốc gia dẫn đầu về phát triển bền vững (chỉ thua Thái Lan trong ASEAN).

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển bền vững các vùng và địa phương. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng

năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Cơ cấu kinh tế cũng có những bước tiến triển tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng, khu vực nông nghiệp trong cơ cấu GDP ngày càng giảm. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP trên 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm bằng khoảng 31% GDP [4]. An ninh lương thực được bảo đảm; tập trung chống thoái hoá, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; bảo vệ và phát triển rừng; giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị lớn và khu công nghiệp... Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã góp phần tích cực vào việc phát triển bền vững các lĩnh vực khác.

Nhà nước đẩy mạnh các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đổi mới thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật..., chế độ dân chủ được xác lập và hoàn thiện bảo đảm quyền, nghĩa vụ của công dân, quyền con người; Triển khai đầy đủ, có hiệu quả các cam kết quốc tế, tham gia tích cực giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu như: gìn giữ hòa bình, chống chiến tranh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm, bệnh dịch, bảo vệ môi trường, thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ phát triển bền vững.

Ở nước ta, sự nghiệp giáo dục đã có bước phát triển, chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt tới 20% tổng chi ngân sách; đến năm 2011, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở; Tập trung đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững; tạo việc làm

bền vững; Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, riêng các huyện nghèo giảm trên 4%/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,35% (2018). Giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực: Năm 2018, tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước là 2,0%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 2,95%, ở khu vực nông thôn là 1,55%. Chỉ số Phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt 0,694 (2017). Phát triển kinh tế - xã hội hài hòa, bền vững giữa các vùng, đô thị và nông thôn. Gắn áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. [7]

Theo Báo cáo đánh giá về tiến độ thực hiện các mục tiêu về phát triển bền vững, Việt Nam xếp thứ 54 (2019) tăng 3 bậc so với năm 2018 và chỉ số phát triển bền vững đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á, hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ phát triển bền vững.

Có thể khẳng định rằng, với những thành tựu đã đạt được, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

3.2. Một số hạn chế

Tuy đạt được những kết quả đáng kể trên nhiều lĩnh vực nhưng so với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, nước ta vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém, như: i) Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra. Mặc dù tăng trưởng cao nhưng nền kinh tế còn dựa nhiều vào vốn đầu tư nước ngoài và thiếu tính bền vững; chưa có sự thống nhất giữa quy

mô phát triển với chất lượng tăng trưởng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) thực chất chưa tính đúng, tính đủ những chi phí đi kèm trong quá trình sản xuất – kinh doanh và tăng trưởng. ii) Năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, nhất là về thể chế kinh tế, kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ; công tác quy hoạch và huy động, sử dụng các nguồn lực còn kém hiệu quả; iii) Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, công nghệ thấp; năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chậm được cải thiện. Nền kinh tế xanh chưa được sử dụng trong đo lường phát triển, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội chưa vững chắc, chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư còn lớn; iv) Lãng phí tài nguyên, ô nhiễm môi trường... trong đó, vấn đề bảo vệ môi trường đang là những vấn đề “nóng” trở thành một trong những mối quan tâm đặc biệt của xã hội. Mỗi năm, Việt Nam thiệt hại do ô nhiễm môi trường tương đương với 5% GDP, cần có những giải pháp tác động mạnh mẽ.

Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân (có cả yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan) như thiên tai, lũ lụt, biến đổi khí hậu; những vấn đề mới nảy sinh chưa có tiền lệ trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường; tư duy phát triển kinh tế - xã hội chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của đất nước; để tồn tại quá lâu mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng; quản lý nhà nước còn hạn chế; sức mạnh toàn dân tộc chưa được phát huy tốt nhất... đã ảnh hưởng không nhỏ tới mục tiêu phát triển bền vững.

3.3. Những vấn đề đặt ra về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Mặc dù phát triển kinh tế bền vững ở nước ta đã đạt được những kết quả quan

trọng, song trong giai đoạn hiện nay vẫn đang đặt ra những vấn đề sau:

Một là, trong quá trình đổi mới nói chung, thể chế phát triển bền vững kinh tế còn chậm, chưa bắt kịp với sự phát triển nhanh của thực tiễn. Hiện nay nước ta tồn tại không ít những “điểm nghẽn” cần tiếp tục đổi mới. Hệ thống thể chế thiếu đồng bộ, chồng chéo, còn nhiều khoảng trống về pháp lý, dẫn đến nhiều bất cập, nhiều rào cản trong thực tiễn phát triển kinh tế. Thể chế phát triển bền vững phải đảm bảo tính tổng hợp, đồng bộ giữa chính trị - kinh tế - xã hội.

Hai là, còn thiếu những quyết sách có tính đột phá, phát triển theo chiều sâu. Cần làm rõ những vấn đề lý luận, lý thuyết kinh tế để chỉ dẫn cụ thể cho quá trình quản lý kinh tế, xác lập các mô hình kinh tế phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, đảm bảo an ninh năng lượng và môi trường.

Ba là, năng suất lao động xã hội còn thấp. Hiện nay, NSLĐXH của Việt Nam còn rất thấp so với các nước khu vực (Thái Lan, Singapore...), nhất là với các nước công nghiệp phát triển.

Bốn là, chất lượng tăng trưởng thiếu bền vững: quy mô nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ, tăng trưởng GDP chỉ dựa trên tăng việc làm giản đơn, trình độ công nghệ và tay nghề lao động thấp. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Các ngành công nghiệp, dịch vụ, nhất là những ngành dịch vụ mang tính chất động lực hay huyết mạch của nền kinh tế như tài chính, ngân hàng, du lịch của nước ta còn chiếm tỷ trọng thấp.

Năm là, cơ chế kiểm soát, kiểm tra, giám sát chưa hiệu quả, cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí chưa bị đẩy lùi...

Sáu là, dịch bệnh Sars-Cov-19 bùng

phát và diễn biến phức tạp làm gián đoạn sản xuất, đứt gãy chuỗi cung ứng, phát sinh một số vấn đề xã hội tác động tiêu cực lên nền kinh tế.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH VÀ BỀN VỮNG

Một là, cần tiếp tục nhận thức sâu sắc và quán triệt quan điểm của Đảng về phát triển bền vững, kiên quyết loại bỏ tư tưởng phát triển bằng mọi giá. Bởi vì, nếu chỉ coi trọng phát triển kinh tế mà xem nhẹ hoặc lãng quên mục tiêu phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường thì cái giá phải trả sẽ không thể lường hết; thậm chí hệ quả của nó sẽ là “phản phát triển”. Phát triển bền vững không thể chỉ là đường lối chung, mà quan trọng hơn, nó cần phải được thể chế hoá thành luật pháp, quy định chung, đi vào cuộc sống và trở thành nhận thức, hành động thực tiễn cụ thể của mọi chủ thể, của toàn xã hội.

Hai là, cần chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Cần đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ; nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu các lĩnh vực ngành nghề trong nội hàm của “nền kinh tế xanh” như sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng; định hướng lại đầu tư, hướng tới mức đầu tư khoảng 2% tổng chi ngân sách hàng năm cho khôi phục hệ sinh thái và bảo vệ môi trường. Dành nguồn lực để đầu tư phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và tranh thủ khai thác, ứng dụng công nghệ từ các quốc gia phát triển... Xây dựng và thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất

sạch hơn để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên quốc gia. Phát triển bền vững các vùng và địa phương cần phải kết hợp giữa quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Ba là, không ngừng nâng cao NSLĐ. Đối với Việt Nam, tăng trưởng GDP theo hướng tăng năng suất lao động và ứng dụng khoa học công nghệ tuy là thách thức nhưng là hướng đi có tiềm năng để tạo ra tăng trưởng cao, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Theo Tổng cục Thống kê kiến nghị, trong bối cảnh tự do hoá thương mại và Cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng phát triển, vừa là cơ hội để Việt Nam phát triển kinh tế, nhưng cũng đưa đến nguy cơ Việt Nam dễ “bị bỏ lại xa hơn” các quốc gia trên thế giới nếu không có định hướng phát triển đúng và giải pháp hiệu quả. Một trong những điểm nhấn căn bản để thúc đẩy tăng trưởng, chính là cải thiện năng suất lao động. Vì thế, đề nghị Chính phủ sớm thành lập Ủy ban Năng suất Quốc gia, trong đó thiết lập một cơ quan thường trực, chuyên sâu về năng suất lao động có nhiệm vụ phối hợp các động lực tăng năng suất quốc gia của Việt Nam. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc để áp dụng vào Việt Nam. Ngoài ra, nâng cao năng suất lao động khu vực doanh nghiệp đóng vai trò quyết định tới việc nâng cao năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế. Cần nghiên cứu, đánh giá và có chính sách cụ thể cho phát triển nguồn nhân lực xã hội. Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực nghề nghiệp, văn hóa tổ chức, tác phong và kỷ luật lao động cho người lao động.

Bốn là, nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ. Đồng thời, tiếp tục duy trì các chính sách

tăng cường thu hút đầu tư, thiết lập môi trường đầu tư kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, thực thi chính sách bảo đảm công bằng trong tiếp cận các nguồn lực và phát triển, tạo động lực sản xuất - kinh doanh, rà soát xóa bỏ những rào cản gia nhập thị trường. Tháo gỡ vướng mắc, khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất - kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng các sản phẩm. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công. Tăng cường cơ chế, chính sách quản lý đầu tư công, làm rõ mục tiêu, các nguyên tắc, trách nhiệm giải trình, phân cấp trong quản lý đầu tư công, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư công, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tháo gỡ những khó khăn cho các bộ, ngành và địa phương. ... Để có nguồn thu ngân sách nhà nước bền vững, cần tập trung vào phát triển khu vực tư nhân, đặc biệt cần ưu tiên, tạo điều kiện tốt cho các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Bên cạnh đó, quan tâm phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nội địa mở rộng thị trường.

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước, tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tăng cường hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao chất lượng thông tin.

5. KẾT LUẬN

Phát triển bền vững trở thành mục tiêu thiên niên kỷ, mục tiêu phát triển quan trọng của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững và đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế như kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức cao, chất lượng tăng trưởng được nâng

lên... Tuy nhiên, trước những bất cập của thực trạng phát triển nền kinh tế hiện nay, các giải pháp chủ yếu tập trung vào giải quyết những vấn đề cơ bản và xây dựng một hệ thống thể chế hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam đồng thời phấn đấu Việt Nam đặt mục tiêu thuộc nhóm dẫn đầu các nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 47, NXB CTQG Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB CTQG Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB CTQG Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB CTQG Hà Nội.
6. Báo cáo Khảo sát hiện trạng và xu hướng Sử dụng Báo cáo Bền vững tại Việt Nam và trên Thế giới, <http://vbcsd.vn/detail.asp?id=560>, truy cập ngày 15/4/2021
7. Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007), *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Quốc Toàn (2019), *Thể chế phát triển nhanh- bền vững, kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới*, NXB CTQG Hà Nội.